

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG****Năm 2013***(Áp dụng cho các doanh nghiệp có hoạt động xây dựng)*

1. Tên doanh nghiệp: .....

*(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)*

2. Kết quả hoạt động xây dựng

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Tên chỉ tiêu	Mã số	Thực hiện năm 2013
A	B	1
<b>2.1. Tổng chi phí cho hoạt động xây dựng (01=02+...+09)</b>	<b>01</b>	
<i>Chia ra:</i>		
Chi phí vật liệu trực tiếp	02	
Chi phí nhân công trực tiếp	03	
Chi phí sử dụng máy móc thi công	04	
Chi phí sản xuất chung	05	
Chi phí quản lý kinh doanh (chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp)	06	
Chi phí thực hiện hạng mục công trình do nhà thầu phụ thi công (nếu có)	07	
Chi trả lãi tiền vay cho hoạt động xây dựng	08	
Chi phí khác	09	
<b>2.2. Giá trị vật liệu xây dựng, nhiên liệu, vật tư do chủ đầu tư cung cấp</b>	<b>10</b>	
<b>2.3. Lợi nhuận hoạt động xây dựng (11=12+13)</b>	<b>11</b>	
<i>Chia ra:</i>		
Lợi nhuận thuần từ hoạt động xây dựng	12	
Lợi nhuận khác có liên quan đến hoạt động xây dựng	13	
<b>2.4. Thuế giá trị gia tăng khấu trừ phát sinh phải nộp</b>	<b>14</b>	
<b>2.5. Giá trị sản xuất xây dựng (15=01+10+11+14=16+17+18+19)</b>	<b>15</b>	
<i>Giá trị sản xuất chia theo loại công trình:</i>		
Công trình nhà ở	16	
Công trình nhà không để ở	17	
Công trình kỹ thuật dân dụng	18	
Hoạt động xây dựng chuyên dụng	19	
<i>Giá trị sản xuất chia theo tỉnh, thành phố:</i>	Mã	
Tỉnh/TP .....	▼	
Tỉnh/TP .....		
Tỉnh/TP .....		
Tỉnh/TP .....		

<b>3. Công trình, hạng mục công trình xây dựng hoàn thành trong năm</b>				
<b>Tên công trình/hạng mục công trình</b>	<b>Mã công trình/hạng mục công trình</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Khối lượng</b>	<b>Giá trị (Triệu đồng)</b>
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>1</b>	<b>2</b>
(Ghi theo danh mục công trình/hạng mục công trình xây dựng)				

# **GẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU SỐ 1A.3/ĐTDN-XD**

## **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NGÀNH XÂY DỰNG**

### **Câu II. Kết quả hoạt động xây dựng.**

#### **Cột A**

##### **2.1. Tổng chi phí cho hoạt động xây dựng**

Tổng chi phí cho hoạt động xây dựng chia ra:

+ Chi phí vật liệu trực tiếp: Số liệu để ghi vào mục này lấy từ số phát sinh bên Có của Tài khoản “Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp” và từ các sổ kế toán theo dõi chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh về vật liệu.

Chỉ tính vào mục này giá trị vật liệu xây dựng, nhiên liệu trực tiếp sử dụng vào công trình xây dựng, loại trừ giá trị vật liệu, nhiên liệu đã xuất kho nhưng sử dụng không hết phải nhập lại kho.

+ Chi phí nhân công trực tiếp: Không bao gồm tiền lương và bảo hiểm xã hội của những lao động thuộc bộ phận quản lý và tiền lương của những công nhân trực tiếp điều khiển máy móc thi công.

Số liệu để ghi vào mục này lấy từ số phát sinh bên Có của tài khoản “Chi phí nhân công trực tiếp” và các sổ kế toán lương.

+ Chi phí sử dụng máy móc thi công: Số liệu để ghi vào mục này lấy từ số phát sinh bên có của tài khoản “Chi phí sử dụng máy thi công”.

+ Chi phí sản xuất chung: Số liệu lấy từ số phát sinh bên Có của tài khoản “Chi phí sản xuất chung” loại trừ phần ghi giảm chi phí sản xuất chung, chi phí dịch vụ mua ngoài của nhà thầu phụ (nếu đã ghi ở phần chi phí do nhà thầu phụ thi công).

+ Chi phí quản lý kinh doanh gồm: Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng.

Số liệu lấy từ số phát sinh bên Có tài khoản “Chi phí quản lý doanh nghiệp” loại trừ phần hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.

Trường hợp doanh nghiệp xây dựng có hạch toán riêng tài khoản “Chi phí bán hàng” của hoạt động xây dựng, ghi gộp số liệu phát sinh bên Có của tài khoản này vào dòng “Chi phí quản lý kinh doanh”.

+ Chi phí thực hiện hạng mục công trình do nhà thầu phụ thi công: Là tổng chi phí thực tế trong kỳ báo cáo của nhà thầu phụ đã thực hiện cho các hạng mục công trình mà doanh nghiệp là nhà thầu chính đã thuê nhà thầu phụ.

Lưu ý: Nếu doanh nghiệp có chi phí này thì số liệu được lấy từ bên Nợ tài khoản “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” hoặc bên Có của tài khoản “Chi phí sản xuất chung - dịch vụ mua ngoài của nhà thầu phụ”.

+ Chi trả lãi tiền vay cho hoạt động xây dựng: Là lãi phải trả do doanh nghiệp vay để tiến hành hoạt động xây dựng.

Số liệu lấy từ số phát sinh bên có tài khoản “Chi phí tài chính”, phân dùng cho hoạt động xây dựng.

+ Chi phí khác: Là các khoản chi khác để có các khoản thu khác liên quan đến hoạt động xây dựng.

**2.2. Giá trị vật liệu xây dựng, nhiên liệu, vật tư do chủ đầu tư cung cấp:** Là giá trị vật liệu xây dựng, nhiên liệu, vật tư phụ tùng khác do bên A cấp được sử dụng trong kỳ, nhưng chưa được tính vào “Tổng chi phí cho hoạt động xây dựng”.

**2.3. Lợi nhuận hoạt động xây dựng:** Gồm lợi nhuận thuần từ hoạt động xây dựng; Lợi nhuận khác phát sinh có liên quan đến hoạt động xây dựng. Không tính lợi nhuận từ các hoạt động tài chính. Trường hợp doanh nghiệp không tính được đầy đủ lợi nhuận trong kỳ thì có thể căn cứ vào khối lượng công trình hoàn thành để tính lợi nhuận theo định mức.

**2.4. Thuế giá trị gia tăng khấu trừ phát sinh phải nộp.**

**2.5. Giá trị sản xuất xây dựng.**

**Giá trị sản xuất xây dựng bao gồm:**

- (1) Tổng chi phí hoạt động xây dựng;
- (2) Giá trị VLXD, nhiên liệu, vật tư do chủ đầu tư cung cấp (nếu có);
- (3) Lợi nhuận hoạt động xây dựng;
- (4) Thuế GTGT khấu trừ phát sinh phải nộp trong kỳ.

**Phân bổ giá trị sản xuất của hoạt động xây dựng cho các loại công trình:** Nhà ở; Nhà không để ở; Công trình kỹ thuật dân dụng và hoạt động xây dựng chuyên dụng.

**Phân bổ giá trị sản xuất xây dựng cho các tỉnh/thành phố:** Giá trị sản xuất xây dựng theo tỉnh/thành phố được quy ước công trình do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn nào, thống kê theo địa bàn đó, mặc dù trụ sở chính doanh nghiệp đóng tại tỉnh/thành phố khác.

**Cột 1:** Ghi số thực hiện trong năm báo cáo của các công trình và hạng mục công trình không phải là các công trình hoàn thành trong kỳ. Với các công trình đã hoàn thành, chỉ tính giá trị xây dựng đã thực hiện được trong kỳ, không tính phần xây dựng trong các kỳ trước chuyển qua; Với các công trình xây dựng dở dang, chỉ tính giá trị xây dựng phát sinh trong kỳ.

**Câu 3. Công trình, hạng mục công trình xây dựng hoàn thành trong năm 2013**

Công trình là tổng hợp những đối tượng xây dựng được thi công trên một hoặc nhiều địa điểm nhưng có chung một bản thiết kế kỹ thuật (thiết kế triển khai) hoặc thiết kế bản vẽ thi công (thiết kế chi tiết) và giá trị của các đối tượng xây dựng đó được tính chung vào một bản tổng dự toán. Công trình có thể là một ngôi nhà hoặc một vật kiến trúc có thiết kế và dự toán độc lập.

Công trình hoàn thành là công trình đã hoàn thành đồng bộ, hoàn chỉnh toàn bộ các giai đoạn thực hiện đầu tư theo thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật - thi công đã được duyệt, đã nghiệm thu đạt các thông số kỹ thuật và đã bàn giao cho đơn vị sử dụng. Trong thực tế có công trình tuy đã hoàn thành và bàn giao cho bên sử dụng trong năm nhưng chưa kết thúc công tác thanh quyết toán thì quy ước vẫn được tính là công trình hoàn thành trong năm. Trường hợp công trình đã hoàn thành, bàn giao cho bên sử dụng những hạng mục, phần việc chính nhưng vẫn còn một số khối lượng công việc phụ phải tiếp tục hoàn tất thì vẫn được tính là công trình hoàn thành trong năm.

**Cột A:** Tên công trình/ hạng mục công trình: Ghi tên công trình theo đúng tên được xác định trong quyết định đầu tư hoặc thiết kế kỹ thuật của công trình (nếu có). Chỉ ghi công trình/hạng mục công trình có trong danh mục.

**Cột B và C:** Mã công trình/hạng mục công trình, đơn vị tính: Cán bộ thống kê các Cục thống kê tỉnh/thành phố ghi mã công trình/hạng mục công trình và đơn vị tính theo đúng danh mục công trình/hạng mục công trình xây dựng hiện hành.

**Cột 1 và 2:** Khối lượng và giá trị: Ghi toàn bộ khối lượng và giá trị của công trình/hạng mục công trình kể từ khi khởi công đến khi hoàn thành.